

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 1100/2018/BC-SHS

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2018 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA		HSL	AAA
2	ABT			ABT
3	ACC			ACC
4	ADS			ADS
5	AMD			AMD
6	ANV			ANV
7	APG			APG
8	ASM			ASM
9	ASP			ASP
10	AST			AST
11	BBC			BBC
12	BCE			BCE
13	BCG			BCG
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BRC			BRC
21	BSI			BSI
22	BTP			BTP
23	BTT			BTT
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	C32			C32
27	CAV			CAV
28	CDC			CDC
29	CEE			CEE
30	CII			CII
31	CLC			CLC
32	CLL			CLL
33	CMG			CMG
34	CNG			CNG
35	COM			COM
36	CSM			CSM
37	CSV			CSV
38	CTD			CTD
39	CTG			CTG
40	CTI			CTI
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	D2D			D2D
44	DAG			DAG
45	DCL			DCL
46	DCM			DCM
47	DGW			DGW
48	DHA			DHA
49	DHC			DHC
50	DHG			DHG
51	DHM			DHM
52	DIC			DIC
53	DIG			DIG
54	DLG			DLG
55	DMC			DMC
56	DPM			DPM
57	DPR			DPR
58	DQC			DQC
59	DRC			DRC
60	DRH			DRH
61	DRL			DRL
62	DSN			DSN
63	DTA			DTA
64	DVP			DVP
65	DXG			DXG
66	EIB			EIB
67	EVE			EVE



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
68	EVG			EVG
69	FCM			FCM
70	FCN			FCN
71	FIT			FIT
72	FLC			FLC
73	FMC			FMC
74	FPT			FPT
75	FTM			FTM
76	FTS			FTS
77	GAS			GAS
78	GDT			GDT
79	GEX			GEX
80	GMC			GMC
81	GMD			GMD
82	GSP			GSP
83	GTN			GTN
84	HAH			HAH
85	HAP			HAP
86	HAR			HAR
87	HAX			HAX
88	HBC			HBC
89	HCD			HCD
90	HCM			HCM
91	HDB			HDB
92	HDC			HDC
93	HDG			HDG
94	HHS			HHS
95	HII			HII
96	HNG			HNG
97	HPG			HPG
98	HQC			HQC
99	HSG			HSG
100	HTI			HSL
101	HTI			HTI
102	HTL			HTI
103	HTT			HTL
104	HTV			HTT
105	HU3			HTV
106	IBC			HU3
107	IDI			IBC
108	IJC			IDI
109	IMP			IJC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
110	ITA			IMP
111	ITC			ITA
112	ITD			ITC
113	KBC			ITD
114	KDH			KBC
115	KMR			KDH
116	KSB			KMR
117	L10			KSB
118	LBM			L10
119	LCG			LBM
120	LDG			LCG
121	LGC			LDG
122	LGL			LGC
123	LHG			LGL
124	LIX			LHG
125	LM8			LIX
126	LSS			LM8
127	MBB			LSS
128	MDG			MBB
129	MHC			MDG
130	MSN			MHC
131	MWG			MSN
132	NAF			MWG
133	NBB			NAF
134	NCT			NBB
135	NKG			NCT
136	NLG			NKG
137	NNC			NLG
138	NSC			NNC
139	NT2			NSC
140	NTL			NT2
141	NVL			NTL
142	OPC			NVL
143	PAC			OPC
144	PAN			PAC
145	PCI			PAN
146	PDN			PCI
147	PDR			PDN
148	PET			PDR
149	PGC			PET
150	PGD			PGC
151	PGI			PGD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bỏ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
152	PHC			PGI
153	PHR			PHC
154	PJT			PHR
155	PLP			PJT
156	PLX			PLP
157	PME			PLX
158	PNJ			PME
159	POM			PNJ
160	PPC			POM
161	PTB			PPC
162	PVT			PTB
163	QBS			PVT
164	RAL			QBS
165	REE			RAL
166	ROS			REE
167	S4A			ROS
168	SAB			S4A
169	SAM			SAB
170	SBA			SAM
171	SBT			SBA
172	SBV			SBT
173	SC5			SBV
174	SCR			SC5
175	SFC			SCR
176	SFG			SFC
177	SFI			SFG
178	SHA			SFI
179	SHI			SHA
180	SHP			SHI
181	SII			SHP
182	SJD			SII
183	SJF			SJD
184	SJS			SJF
185	SKG			SJS
186	SMC			SKG
187	SPM			SMC
188	SRC			SPM
189	SRF			SRC
190	SSC			SRF
191	SSI			SSC
192	ST8			SSI
193	STB			ST8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
194	STG			STB
195	STK			STG
196	SVC			STK
197	SVI			SVC
198	SZL			SVI
199	TAC			SZL
200	TBC			TAC
201	TCD			TBC
202	TCH			TCD
203	TCL			TCH
204	TCM			TCL
205	TCO			TCM
206	TCT			TCO
207	TDC			TCT
208	TDG			TDC
209	TDH			TDG
210	TDW			TDH
211	TEG			TDW
212	THG			TEG
213	THI			THG
214	TIP			THI
215	TLD			TIP
216	TLH			TLD
217	TMP			TLH
218	TMS			TMP
219	TNA			TMS
220	TNC			TNA
221	TNI			TNC
222	TPB			TNI
223	TPC			TPB
224	TRA			TPC
225	TRC			TRA
226	TTB			TRC
227	TVS			TTB
228	TVT			TVS
229	TYA			TVT
230	UIC			TYA
231	VAF			UIC
232	VCB			VAF
233	VCI			VCB
234	VDP			VCI
235	VDS			VDP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
236	VFG			VDS
237	VHC			VFG
238	VIC			VHC
239	VIP			VIC
240	VJC			VIP
241	VMD			VJC
242	VND			VMD
243	VNE			VND
244	VNL			VNE
245	VNM			VNL
246	VNS			VNM
247	VPB			VNS
248	VPH			VPB
249	VPI			VPH
250	VPS			VPI
251	VRC			VPS
252	VRE			VRC
253	VSC			VRE
254	VSH			VSC
255	VSI			VSH
256	VTO			VSI
257				VTO

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2018 là <http://www.shs.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiền



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Tiến